GrammarTrack

SƠ CẤP PHIẾU BÀI TẬP PDF

Bài tập về trạng từ có đáp án



có đáp án

Trạng từ chỉ tần suất, cách thức, thời gian, nơi chốn và mức độ: đứng ở đâu trong câu, khi nào dùng very, too, so và enough. Gồm bảng quy tắc ngắn và năm dạng bài, đáp án ở trang cuối. Trình độ A1-A2.

HỌ TÊN

NGÀY

QUY TẮC

Vị trí của trạng từ

Trạng từ	Vị trí	Ví dụ
always, often, never	trước V, sau be	I often cook. She is never late.
already, just, never	sau have, can, will	I have just eaten.
slowly, carefully, well	sau V hoặc tân ngữ	He speaks English well.
very, really, too, so	trước Adj, Adv	very cold, too fast
enough	sau Adj, Adv	old enough
yesterday, here	cuối câu	I met her here yesterday.
taste, look, feel	+ Adj, không + Adv	It tastes delicious.

Nhiều trạng từ ở cuối câu: **cách thức, nơi chốn, thời gian**.

1 Bài 1. Đặt trạng từ vào đúng chỗ

Viết lại câu, đặt trạng từ trong ngoặc vào đúng vị trí.

1 **I drink coffee in the evening. (never)**

2 My sister is tired after work. (often)

3 We have finished our homework. (already)

4 He plays the piano. (beautifully)

5 They don't eat meat. (usually)

6 I'll call you. (tomorrow)

7 You can find me. (always, here)

8 Do you go to the cinema? (often)

2 Bài 2. Chọn đáp án đúng

Khoanh tròn đáp án đúng.

1 She speaks English very _____ . a) good b) well

2 This soup tastes _____ . a) delicious b) deliciously

3 The test was _____ difficult.

a) surprising b) surprisingly

4 He ran _____ to catch the bus. a) quickly b) quick

5 My brother isn't _____ to drive.

a) enough old b) old enough

6 She sang _____ .

a) beautifully at the party
b) at the party beautifully

3 Bài 3. Very, too, so, really hay enough?

Điền một từ trong khung vào chỗ trống. Mỗi từ chỉ dùng một lần.

TỪ GỢI Ý

very | too | so | really | enough

1 This bag is _____ heavy for me to carry.

2 Is the water warm _____ for swimming?

3 I _____ like this song.

4 Wow, the view is _____ beautiful!

5 She is a _____ good teacher.

4 Bài 4. Lỗi người Việt hay mắc

Mỗi câu có một lỗi về trạng từ. Viết lại câu đúng.

1 He often is busy on Mondays.

2 I also am a teacher.

3 I never have seen snow.

4 He drives very careful.

5 I very like Vietnamese coffee.

6 The room isn't enough big for six people.

5 Bài 5. Dịch sang tiếng Anh

Dịch các câu sau sang tiếng Anh. Chú ý vị trí của trạng từ.

1 Tôi thường đi làm bằng xe buýt.

2 Cô ấy luôn đúng giờ.

3 Chúng tôi đã ăn tối rồi.

4 Cô ấy nói tiếng Anh rất giỏi.

5 Hôm nay trời lạnh quá!

QUÉT MÃ ĐỂ TẢI ỨNG DỤNG

Luyện tập trong ứng dụng GrammarTrack

Nhiệm vụ hằng ngày, XP và chuỗi ngày học – có âm thanh và chấm điểm ngay.

Tải về trên App Store

Tải nội dung trên Google Play

Hoặc luyện tập trên website: grammartrack.com/vi/courses/topics/adverbs

Đáp án

Bài tập về trạng từ có đáp án

1

1. I never drink coffee in the evening.
2. My sister is often tired after work.
3. We have already finished our homework.
4. He plays the piano beautifully.
5. They don't usually eat meat. / They usually don't eat meat.
6. I'll call you tomorrow. / Tomorrow, I'll call you.
7. You can always find me here.
8. Do you often go to the cinema?

2

1. b) well
2. a) delicious
3. b) surprisingly
4. a) quickly
5. b) old enough
6. a) beautifully at the party

3

1. too
2. enough
3. really
4. so
5. very

4

1. He is often busy on Mondays.
2. I am also a teacher.
3. I have never seen snow.
4. He drives very carefully.
5. I really like Vietnamese coffee. / I like Vietnamese coffee very much.
6. The room isn't big enough for six people.

5

1. I usually go to work by bus. / I often go to work by bus.
2. She is always on time.
3. We have already had dinner. / We already had dinner.
4. She speaks English very well.
5. It's so cold today! / It's really cold today! / It's very cold today!